

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-08
Báo cáo tài chính hợp nhất	09-67
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	09-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13-14
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	15-67

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Licogi - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08/06/2017
Ông Vũ Tiến Giao	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08/06/2017
Ông Ưng Tiến Đỗ	Thành viên	
Ông Phan Thanh Hải	Ủy viên	
Ông Hoàng Quốc Quân	Ủy viên	
Ông Vũ Nguyên Vũ	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/01/2018
Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/01/2018
Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/06/2017
Ông Hoàng Quốc Quân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/06/2017
Ông Vũ Duy Quang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09/08/2017
Ông Nguyễn Danh Quân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/06/2017
Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thanh Huyền	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kim Hoa	Thành viên
Ông Nguyễn Trường Sa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Tổng Công ty áp dụng đối với Tổng Công ty đại chúng và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Licogi - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Licogi - CTCP được lập ngày 06 tháng 04 năm 2018, từ trang 09 đến trang 67, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Số dư đầu năm liên quan đến phê duyệt kết quả cổ phần hóa

1. Như Tổng Công ty đã trình bày tại thuyết minh số 2.3 - "Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất", tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền về các phương án xử lý tài chính được áp dụng trong báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Vì vậy, các số dư đầu năm tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt của các cơ quan quản lý có thẩm quyền. Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của các số dư đầu năm tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long và dự án Bất động sản Khu dân cư Licogi 17

2. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng với tổng doanh thu lũy kế đến thời điểm 31/12/2016 là 70,6 tỷ đồng. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS14 thì tại ngày 01 tháng 01 năm 2017, số dư "người mua trả tiền trước ngắn hạn" sẽ tăng lên 70,6 tỷ đồng, "Hàng tồn kho - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" của dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long sẽ tăng lên 53,4 tỷ đồng và " lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 sẽ giảm đi 17,2 tỷ đồng. Mặt khác, trong năm 2017, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu và kết chuyển giá vốn hàng bán đối với một số lô đất thuộc khu đô thị Nam Ga Hạ Long đã bàn giao cho khách hàng trên cơ sở nhận tiền của các lô đất này với giá trị doanh thu và giá vốn lần lượt là 84,36 tỷ đồng và 62,53 tỷ đồng, lợi nhuận là 21,83 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng đối với các lô đất đã bàn giao trong năm là 122,9 tỷ đồng và 78,3 tỷ đồng, lợi nhuận là 44,6 tỷ đồng. Lỗ kế toán trước thuế trong năm sẽ giảm đi khoảng 22,81 tỷ đồng.

3. Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của dự án bất động sản khu dân cư Licogi 17 với tổng doanh thu lũy kế là 21,1 tỷ đồng trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa tuân thủ theo chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác (VAS14) và Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo VAS 14 thì tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 số dư "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" sẽ tăng 21,1 tỷ đồng, "Hàng tồn kho - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" của dự án này sẽ tăng lên 14,2 tỷ đồng và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 sẽ giảm khoảng 6,9 tỷ đồng.

Dự án khu đô thị mới C5-C8 và C8 mở rộng

4. Tại ngày 31/12/2016, Tổng Công ty đang theo dõi trên khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" hạng mục xây dựng bãi tắm của dự án C8 mở rộng số tiền khoảng 4,2 tỷ đồng dựa trên dự toán kinh phí được phê duyệt từ năm 2004. Do hạng mục bãi tắm này đã đình trệ từ lâu, Tổng Công ty chưa xác định thời điểm thực hiện và chi phí ước tính có thể điều chỉnh để xây dựng bãi tắm này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu liên quan đến vấn đề này hay không.

Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

5. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 290,31 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS 16). Do vậy, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 liên quan đến khoản vay vốn hóa của dự án này hay không. Ngoài ra, trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con, Tổng Công ty đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào tài khoản đối ứng "Phải trả ngắn hạn khác" một khoản là 87,46 tỷ đồng (thuyết minh số 21). Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty ghi nhận theo VAS16, thì khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và khoản mục phải trả ngắn hạn khác sẽ giảm 87,46 tỷ đồng.

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

6. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, theo ý kiến của kiểm toán viên trình bày tại báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Licogi 15, Công ty Lắp máy điện nước đang ngoại trừ tính hiện hữu chính xác và đầy đủ của các khoản công nợ phải thu với tổng giá trị tại hai công ty này lần lượt là 46,06 tỷ đồng và 3,69 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu liên quan đến vấn đề này hay không.

7. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, một số Công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty CP Licogi 9, Công ty CP Licogi 17) không trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", "Phải thu ngắn hạn khác" theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT228). Nếu các đơn vị này trích lập dự phòng đầy đủ các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 228 thì khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" tại ngày 31/12/2017 sẽ tăng lên 17,06 tỷ đồng và "Lỗi kế toán trước thuế" sẽ tăng lên 17,06 tỷ đồng.

Các khoản công nợ phải trả

8. Tổng Công ty đang theo dõi các khoản công nợ phải trả được ghi nhận tại Công ty Licogi 2 với tổng giá trị đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2017 và 31/12/2017 lần lượt là 27,88 tỷ đồng và 27,52 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu liên quan đến vấn đề này hay không.

9. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận khoản phải trả cho Tổng Công ty Lũng Lô (LCC) là 53,3 tỷ đồng, (trong đó ở khoản mục "Phải trả người bán ngắn hạn" là 22,82 tỷ đồng và ở khoản mục "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" là 30,71 tỷ đồng). Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đối với LCC là 31,25 tỷ đồng (trong đó ở khoản mục "Phải trả người bán ngắn hạn" là 0,54 tỷ đồng và ở khoản mục "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" là 30,71 tỷ đồng). Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận các khoản phải trả cho Xí nghiệp khai thác và chế biến đá xuất khẩu An Giang là 3,24 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu liên quan đến vấn đề này hay không. Mặt khác, theo ý kiến của kiểm toán viên trình bày tại báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Licogi 15, Công ty Lắp máy điện nước đang ngoại trừ tính hiện hữu chính xác và đầy đủ của các khoản công nợ phải trả với tổng giá trị tại hai công ty này lần lượt là 118,96 tỷ đồng và 5,55 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu liên quan đến vấn đề này hay không.

Hàng tồn kho và tài sản cố định

10. Chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 của một số đơn vị trong Tổng Công ty (bao gồm: Công ty CP Licogi 15, Công ty CP Licogi 17, Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20), Công ty CP Lắp máy Điện nước) với giá trị hàng tồn kho khoảng 155,32 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu của hàng tồn kho tại thời điểm đầu năm. Do đó, Chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản lãi/(lỗ) trong năm được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Mặt khác, theo ý kiến của kiểm toán viên trình bày tại báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty CP Licogi 20 đang ngoại trừ tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục tài sản cố định tại Công ty này với số tiền 32,25 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để thu thập bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khoản mục này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu liên quan đến vấn đề này hay không.

Một số sai sót khác

11. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty con - Công ty CP Licogi 15 của Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền 5,5 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty ghi nhận bổ sung các khoản phạt nêu trên thì chỉ tiêu "Chi phí khác" sẽ tăng lên 5,5 tỷ đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi số tiền tương ứng. Mặt khác, Công ty này chưa ghi nhận chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính thời điểm 31 tháng 12 năm 2017. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán để xác định chi phí lãi vay phải trả nêu trên nên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu liên quan đến vấn đề này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất đến Thuyết minh số 2.3- Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty phát sinh khoản lỗ sau thuế trong năm là 71,76 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.257,64 tỷ đồng. Những sự kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu tại Thuyết minh số 2.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Licogi- CTCP cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ theo báo cáo kiểm toán số HAN 1768 ngày 27 tháng 04 năm 2017. Các vấn đề ngoại trừ này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đã được chúng tôi nêu lên trong phần "Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ" của Báo cáo kiểm toán này.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2018

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.353.160.628.918	2.185.532.483.438
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	147.359.473.718	202.516.339.998
111	1. Tiền		110.580.326.893	202.516.339.998
112	2. Các khoản tương đương tiền		36.779.146.825	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	20.330.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.330.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.418.188.829.640	1.110.660.338.114
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.092.703.252.986	1.002.444.918.959
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	252.180.144.308	52.450.379.321
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	15.353.740.010	24.663.740.010
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	410.585.903.684	379.389.163.631
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(352.634.211.348)	(348.364.415.820)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	76.552.013
140	IV. Hàng tồn kho	11	738.008.607.940	840.859.421.909
141	1. Hàng tồn kho		762.176.319.473	844.319.738.120
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(24.167.711.533)	(3.460.316.211)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		29.273.717.620	31.496.383.417
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.623.618.599	2.913.996.648
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		24.876.855.969	27.999.352.584
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	773.243.052	583.034.185

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.023.529.432.354	1.924.166.946.775
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.331.569.902	1.131.037.386
216	1. Phải thu dài hạn khác		1.331.569.902	1.131.037.386
220	II. Tài sản cố định		491.160.241.651	485.210.289.413
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	463.561.442.424	454.483.630.544
222	- Nguyên giá		1.504.222.361.420	1.438.997.795.139
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.040.660.918.996)	(984.514.164.595)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	1.985.181.677
225	- Nguyên giá		-	2.646.908.909
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(661.727.232)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	27.598.799.227	28.741.477.192
228	- Nguyên giá		29.335.455.521	32.012.730.641
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.736.656.294)	(3.271.253.449)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	2.663.302.754	2.663.302.754
231	- Nguyên giá		2.745.140.454	2.745.140.454
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.837.700)	(81.837.700)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	869.350.777.211	769.533.924.961
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		830.960.484.504	711.166.856.701
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		38.390.292.707	58.367.068.260
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	619.070.437.329	619.470.548.869
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		578.453.499.878	566.451.643.067
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		57.332.477.208	57.332.477.208
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(16.715.539.757)	(4.313.571.406)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		39.953.103.507	46.157.843.392
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	39.953.103.507	46.157.843.392
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.376.690.061.272	4.109.699.430.213

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.940.034.289.885	3.553.771.827.001
310	I. Nợ ngắn hạn		3.610.796.527.262	3.226.337.707.722
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	846.530.627.473	850.954.818.174
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	438.474.808.936	300.481.961.361
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	173.559.823.949	174.686.891.091
314	4. Phải trả người lao động		73.492.230.602	76.144.948.474
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	186.080.282.607	132.311.370.835
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		7.774.053.343	50.822.923
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	454.330.938.311	306.692.957.647
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	1.403.715.875.535	1.365.303.307.642
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		8.911.424.239	997.937.808
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		17.926.462.267	18.712.691.767
330	II. Nợ dài hạn		329.237.762.623	327.434.119.279
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		1.633.991.983	1.664.718.750
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	6.343.841.469	6.423.283.702
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	318.968.590.350	317.250.241.279
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.291.338.821	2.095.875.548
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		436.655.771.387	555.927.603.212
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	436.655.771.387	555.927.603.212
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		900.000.000.000	900.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>900.000.000.000</i>	<i>900.000.000.000</i>
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		10.121.718.651	10.121.718.651
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(98.765.815.809)	(79.274.695.809)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		67.747.616.740	58.975.299.808
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.083.295.470	2.074.997.571
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(533.698.205.248)	(448.389.041.757)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>(467.309.139.767)</i>	<i>(44.300.671.762)</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>(66.389.065.481)</i>	<i>(404.088.369.995)</i>
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		89.167.161.583	112.419.324.748
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.376.690.061.272	4.109.699.430.213



Lê Thị Thanh Nội
Người lập

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2018


Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng


Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	
			VND	Năm 2016 (Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	2.606.759.252.234	2.909.900.254.135
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	306.883.963	18.896.061.746
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.606.452.368.271	2.891.004.192.389
11	4. Giá vốn hàng bán	26	2.378.571.023.761	2.675.670.279.461
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		227.881.344.510	215.333.912.928
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	101.446.980.095	8.081.911.162
22	7. Chi phí tài chính	28	156.284.342.946	154.385.318.941
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		141.986.916.271	147.600.802.431
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		29.988.228.677	95.636.925.372
25	9. Chi phí bán hàng	29	50.348.290.415	50.567.843.595
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	193.722.686.301	525.084.044.709
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(41.038.766.380)	(410.984.457.783)
31	12. Thu nhập khác	31	13.292.535.767	22.590.823.141
32	13. Chi phí khác	32	31.035.255.578	29.630.739.182
40	14. Lợi nhuận khác		(17.742.719.811)	(7.039.916.041)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(58.781.486.191)	(418.024.373.824)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	12.784.763.512	9.634.213.732
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		195.463.273	(523.140.284)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(71.761.712.976)</u>	<u>(427.135.447.272)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(66.389.065.481)	(404.088.369.995)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(5.372.647.495)	(23.047.077.277)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	(738)	(4.490)



Lê Thị Thanh Nội

Người lập

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2018

 Nguyễn Anh Dũng

Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(58.781.486.191)	(418.024.373.824)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		83.811.635.208	81.740.757.264
03	- Các khoản dự phòng		45.292.645.632	325.023.216.723
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(158.090.833)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(137.063.245.675)	(7.753.827.067)
06	- Chi phí lãi vay		141.986.916.271	147.600.802.431
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		75.246.465.245	128.428.484.694
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(318.925.724.801)	(140.420.424.828)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(37.650.209.156)	90.047.285.234
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		305.529.128.778	21.333.107.433
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.495.117.934	21.461.582.037
14	- Tiền lãi vay đã trả		(126.655.489.743)	(144.554.520.617)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.052.012.666)	(19.972.125.190)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.121.019.151)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(122.133.743.560)	(43.676.611.237)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(67.639.534.471)	(45.909.842.440)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3.916.069.624	2.011.120.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(161.330.000.000)	(1.020.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		150.310.000.000	3.845.751.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(248.500.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		101.589.425.163	63.856.186.467
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		26.845.960.316	22.534.715.027
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.632.703.981.484	2.030.543.277.815
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.585.220.715.667)	(2.126.055.525.245)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(7.352.348.853)	(1.551.828.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(7.770.434.730)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40.130.916.964	(104.834.510.160)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(55.156.866.280)	(125.976.406.370)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*Năm 2017**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		202.516.339.998	328.334.655.535
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	158.090.833
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<u>147.359.473.718</u>	<u>202.516.339.998</u>



Lê Thị Thanh Nội
Người lập



Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng


Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng- Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 900.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 900.000.000.000 đồng; tương đương 90.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng và phát triển kinh doanh các dự án bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bưu điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Công ty con cấp 1

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Đồng Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 17	Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,82%	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

Công ty con cấp 2

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 6 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh)</i>	Hòa Bình	28,22%	54,42%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và Vật liệu xây dựng Đông Anh số 9 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh)</i>	Phú Thọ	26,44%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Licogi 9.2 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)</i>	Đồng Nai	40,45%	79,31%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

- **Tổng Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:**

Công ty liên kết

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,09%	44,09%	Sản xuất và kinh doanh
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phủ Thọ	26,42%	26,42%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long <i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)</i>	Hà Nội	20,40%	40,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 <i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh)</i>	Hung Yên	23,63%	45,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Gạch Phong Niên <i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi)</i>	Quảng Ngãi	13,49%	20,83%	Kinh doanh vật liệu xây

Công ty liên doanh

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long <i>(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh - Licogi)</i>	Hà Nội	37,41%	42,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam <i>(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Licogi 15)</i>	Hà Nam	48,48%	75,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Trong giai đoạn Cổ phần hóa từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính Phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần từ ngày 31/12/2015. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, Tổng Công ty chưa nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền về phương án xử lý tài chính được áp dụng trong báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015. Do vậy, các số dư tại ngày 01/01/2016 có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt của các cơ quan quản lý có thẩm quyền. Điều này cũng làm ảnh hưởng đến số dư đầu năm tại ngày 01/01/2017.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty phát sinh khoản lỗ sau thuế là 71,76 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2017, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.257,64 tỷ đồng. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại đồng cổ đông thường niên năm 2016 và năm 2017, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| - Tài sản cố định khác | 03 - 05 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 05 năm |

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước các công trình xây dựng... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính, cụ thể:

- Đối với lô hàng bị nghiền cấp năm 2015, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 5% giá trị hàng hóa đã thực hiện.
- Đối với sản phẩm đúc, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,25% doanh thu thực hiện trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.
- Đối với sản phẩm công trình giàn không gian, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,25% doanh thu đã thực hiện của các công trình đã hoàn thành bàn giao và quyết toán xong trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.
- Đối với sản phẩm công trình lắp dựng nhôm, kính, Tổng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,41% doanh thu đã thực hiện của các công trình đã hoàn thành bàn giao và quyết toán xong trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng tỷ lệ dự phòng bảo hành nêu trên đã xây dựng trên cơ sở ước tính hợp lý, phù hợp với nghĩa vụ bảo hành phát sinh thực tế tại Tổng Công ty và theo các quy định hiện hành.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, hoặc khoản tiền nhận trước của hoạt động xuất khẩu lao động của Tổng công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

1105.
CÔNG TY
HỮU
HẠN
CÔNG
TY
SC
TP.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Tổng Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Tổng Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu;
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Tổng Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2017		01/01/2017				
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết							
- Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	26,42%	26,42%	38.298.200.087	26,42%	26,42%	42.694.790.074
- Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	2.009.338.056	22,62%	22,62%	2.007.395.009
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Bình Phước	20,40%	40,00%	14.644.973.451	20,40%	40,00%	17.417.635.690
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (*)	Lào Cai	44,09%	44,09%	285.310.454.344	44,09%	44,09%	255.958.264.345
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	Hung Yên	23,63%	45,58%	5.312.694.666	23,63%	45,58%	3.781.932.428
- Công ty Cổ phần Gạch Phong Niên	Quảng Ngãi	25,00%	25,00%	3.750.000.000	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh							
- Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Hà Nội	37,41%	42,00%	229.127.839.274	37,41%	42,00%	244.591.625.521
- Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam	Hà Nam	48,48%	75,00%	-	-	-	-
				578.453.499.878			566.451.643.067

(*) Theo thông báo số 10116/TB-CT ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Cục Thuế tỉnh Lào Cai, Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà bị phạt chậm nộp các khoản thuế bao gồm thuế GTGT, thuế tài nguyên tính đến ngày 30/11/2017 với số tiền khoảng 3,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà chưa ghi nhận khoản lãi chậm nộp thuế nêu trên do Công ty này chưa thống nhất số liệu tính toán với cơ quan thuế và sẽ hạch toán bổ sung khi thống nhất số liệu với cơ quan thuế.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 39.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Licogi 12 (Mã CK L12)	5.967.000.000	(2.565.810.000)	5.967.000.000	-
- Công ty Cổ phần Licogi 13 (Mã CK LIG)	25.001.671.600	(13.587.865.000)	25.001.671.600	(3.854.985.041)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (Mã CK L18)	10.530.000.000	-	10.530.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	13.753.805.608	-	13.753.805.608	(308.116.497)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (Mã CK PXL)	780.000.000	(90.000.000)	780.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin - Licogi	1.000.000.000	(214.496.656)	1.000.000.000	(85.798.662)
- Công ty Cổ phần Quản lý dự án và Xây dựng Licogi	300.000.000	(257.368.101)	300.000.000	(64.671.206)
	57.332.477.208	(16.715.539.757)	57.332.477.208	(4.313.571.406)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Ban Quản lý Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La	39.981.066.639	29.731.324.541
- Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1	146.650.212.125	106.268.289.347
- Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	3.142.168.683	28.225.556.461
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	88.597.615.310	106.460.437.797
- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thái Sơn	16.866.175.163	21.866.175.163
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
- Công ty Cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa	-	12.820.180.175
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	15.662.726.396
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	12.572.632.461
- Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	7.497.042.065	9.950.668.710
- Các khoản phải thu khách hàng của COMETCO sau khi sáp nhập vào Licogi 2	11.557.564.409	11.689.359.409
- Ban Quản lý đầu tư các công trình Văn hóa, Thể thao tỉnh Quảng Ninh	10.665.847.000	23.185.966.000
- Ban Quản lý dự án 6	8.620.470.627	12.366.660.433
- Ban điều hành gói thầu số 10 - Công trình Âu Tàu	7.814.561.352	7.814.561.352
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	13.310.487.804	9.988.592.995
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11.685.831.746	21.233.127.066
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	22.953.129.250	32.653.129.250
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương	15.349.843.212	14.490.420.751
- Các khoản phải thu khách hàng khác	638.514.283.905	504.203.515.813
	<u>1.092.703.252.986</u>	<u>1.002.444.918.959</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.	<u>5.786.456.118</u>	<u>68.253.829.664</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	-	-	870.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (1)	165.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Sáng	12.040.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	75.140.144.308	(7.315.452.179)	51.580.379.321	(5.200.610.943)
	252.180.144.308	(7.315.452.179)	52.450.379.321	(5.200.610.943)

(1) Đây là số tiền ứng trước cho Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương theo hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 với mục đích để Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương đứng ra thay mặt Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện giải phóng mặt bằng tại khu đô thị Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	-	-	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 (1)	15.353.740.010	-	20.663.740.010	-
	15.353.740.010	-	24.663.740.010	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Khoản vay ngắn hạn hỗ trợ vay vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8 - Công ty liên kết. Khoản vay theo hình thức tín chấp, áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

9 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cổ phần hóa	9.423.910.942	(3.624.299.293)	9.423.910.942	(3.624.299.293)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.245.249.521	-	1.794.442.500	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	645.204.682	-	-	-
Tạm ứng	112.839.665.665	(25.034.897.454)	96.789.122.189	(32.955.719.892)
Ký cược, ký quỹ	10.601.534.896	-	1.867.685.394	-
Phải thu Ban QLDA KĐT Thịnh Liệt (1)	56.287.587.081	(54.986.617.577)	55.156.171.384	(54.986.617.577)
Phải thu khác của COMETCO khi sáp nhập vào Licogi 2	27.423.400.314	(27.423.400.314)	27.516.766.744	(27.516.766.744)
Phải thu Ban điều hành Nhà máy công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.977.490.444	(25.493.403.949)	25.493.403.949	(25.493.403.949)
Phải thu liên quan đến Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	(6.079.942.000)	8.692.075.717	(6.079.942.000)
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 (2)	18.512.222.910	(2.776.813.437)	19.755.224.170	-
Phải thu từ chủ đầu tư mới của Dự án KĐT M Yên Thanh (3)	46.872.815.615	-	46.872.815.615	-
Tạm ứng tiền giải phóng mặt bằng cho UBND huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình cho dự án KĐT M Đông Hưng	-	-	21.000.000.000	-
Phải thu khác	94.676.879.614	(31.688.237.068)	65.027.545.027	(30.015.601.542)
	410.585.903.684	(177.107.611.092)	379.389.163.631	(180.672.350.997)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(1) Khoản mục này là khoản mục tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt trong quá trình thực hiện dự án. Dự án này ban đầu do Tổng công ty - Công ty mẹ thực hiện nhưng sau đó đã được chuyển giao sang cho công ty con - Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi từ ngày 20 tháng 7 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này là thấp nên đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản tạm ứng đã tồn đọng từ lâu.

(2) Khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan tới số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 còn phải trả cho Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan đến việc chuyển nhượng Dự án KĐT Licogi tại Cà Mau trong năm 2012 với tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 67 tỷ đồng. Khoản phải thu này đã quá hạn nhiều năm tuy nhiên Tổng Công ty mới bắt đầu trích lập dự phòng cho khoản phải thu này từ năm 2017 với số tiền 2,77 tỷ đồng.

(3) Dự án Khu đô thị mới Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh do Công ty Licogi 2 thực hiện và đã bị Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh thu hồi theo quyết định số 4011/QĐ-UBND ngày 16/12/2015. Theo quyết định này, các chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được bồi hoàn bởi chủ đầu tư mới là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tân Thành với số tiền được xác định là 46.872.815.615 đồng và sẽ được thanh toán khi Công ty bàn giao toàn bộ các hồ sơ liên quan đến dự án và đối chiếu kinh phí đã đầu tư vào dự án.

10 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	-	15.662.726.396	-
- Công ty CP Xây lắp BĐS Điện lực dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	-	12.572.632.461	-
- Ban điều hành công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1	18.512.222.910	15.735.409.473	19.755.224.170	19.755.224.170
- Phải thu BQL Dự án KĐT Thịnh Liệt	56.287.587.081	1.300.969.504	55.156.171.384	169.553.807
- Các khoản khác	267.319.880.615	47.439.457.926	291.707.161.509	73.319.720.911
	417.110.048.251	64.475.836.903	441.608.914.708	93.244.498.888

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**11 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	5.518.375.434	-	9.482.500.682	-
Nguyên liệu, vật liệu	114.461.499.177	(4.356.955.156)	120.025.737.161	(3.460.316.211)
Công cụ, dụng cụ	6.594.822.113	(15.586.977)	6.515.792.758	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	543.866.743.860	(18.245.453.694)	641.895.775.035	-
Thành phẩm	91.235.088.924	(1.439.337.173)	65.460.574.490	-
Hàng hoá	499.789.965	(110.378.533)	939.357.994	-
	762.176.319.473	(24.167.711.533)	844.319.738.120	(3.460.316.211)

(*) Chi phí SXKD dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang hoặc chi phí của các sản phẩm dở dang. Chi tiết như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án KĐT M C5	11.230.909.091	7.607.255.233
Dự án KĐT M Đồi T5	14.529.699.375	15.670.996.409
Dự án KĐT M Nam Ga Hạ Long (1)	86.131.761.439	86.543.942.905
Dự án MDF Kiên Giang	-	20.897.456.435
Dự án 423 Minh Khai	1.015.486.336	24.064.946.427
Dự án Khu dân cư Licogi 17 (2)	22.253.064.685	10.855.844.571
Công trình Thủy điện Bàn Chát	1.088.999.181	40.797.823.644
Công trình Thủy điện ĐăkĐrinh	31.164.163.033	15.052.995.412
Công trình Thủy điện Đăk My 3	1.554.737.395	15.513.763.515
Công trình KĐT M Thủ Thiêm	3.913.535.554	23.476.378.817
Công trình Trụ sở Công an TP HCM	25.232.122.536	25.232.122.536
Công trình Đường sắt đô thị Ba Son	21.653.526.636	9.215.267.597
Các công trình và sản phẩm dở dang khác	324.098.738.599	346.966.981.534
	543.866.743.860	641.895.775.035

(1) Dự án KĐT M Nam Ga Hạ Long, Quảng Ninh hiện nay do Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 thuộc Tổng Công ty thực hiện: Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của Dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng với tổng doanh thu lũy kế đến thời điểm 31/12/2016 là 70,6 tỷ đồng. Chi phí tương ứng với doanh thu nói trên là 53,4 tỷ đồng và đã được ghi nhận vào giá vốn hàng bán từ các năm trước. Trong năm 2017, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu và kết chuyển giá vốn hàng bán đối với một số lô đất thuộc khu đô thị Nam Ga Hạ Long đã bàn giao cho khách hàng trên cơ sở nhận tiền của các lô đất này với giá trị doanh thu và giá vốn lần lượt là 84,36 tỷ đồng và 62,53 tỷ đồng, lợi nhuận là 21,83 tỷ đồng

(2) Dự án Khu dân cư Licogi 17 do Công ty Cổ phần Licogi 17 thực hiện: Trong các năm trước, Tổng Công ty đã ghi nhận tổng doanh thu cho Dự án này khoảng 21,1 tỷ đồng dựa trên số tiền thanh toán trước từ khách hàng. Chi phí tương ứng với doanh thu nói trên là 14,2 tỷ đồng và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán từ các năm trước.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn là chi phí dở dang của các dự án công trình xây dựng, các dự án bất động sản của Tổng công ty trong quá trình xây dựng mà có thời hạn thực hiện và luân chuyển trên 12 tháng. Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn trình bày theo các dự án như sau:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (do Công ty Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện) (*)	814.137.611.909	814.137.611.909	691.511.418.703	691.511.418.703
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt - Hạ tầng mục lô CT2 (do Công ty Licogi 2 thực hiện) (*)	12.233.301.281	12.233.301.281	10.788.313.281	10.788.313.281
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
Dự án KĐTMT Đông Hưng, Thái Bình	-	-	4.277.553.403	4.277.553.403
	<u>830.960.484.504</u>	<u>830.960.484.504</u>	<u>711.166.856.701</u>	<u>711.166.856.701</u>

(*) Tính đến ngày 31/12/2017, tổng chi phí đã phát sinh lũy kế cho Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 820,9 tỷ đồng, trong đó bao gồm 290,31 tỷ đồng vốn hóa chi phí lãi vay. Tại ngày 31/12/2017, Dự án này đang trong quá trình giải phóng mặt bằng và được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Công trình xây dựng Trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê tại Lô E7 đường Phạm Hùng (Tổng Công ty - Công ty mẹ) (**)	9.647.644.263	9.647.644.263
- Công trình xây dựng Trụ sở làm việc (Licogi 17)	-	8.697.363.218
- Chi phí đền bù hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp (Công ty Vật liệu Xây dựng Đông Anh) (***)	7.084.709.941	7.084.709.941
- Chi phí xây dựng xưởng sản xuất (Licogi 9)	-	5.528.701.808
- Dự án mỏ đá Cà Ty (Licogi Quảng Ngãi)	11.435.664.696	11.838.054.996
- Chi phí xây dựng dở dang khác	10.222.273.807	15.570.594.034
	<u>38.390.292.707</u>	<u>58.367.068.260</u>

(**) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m²) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03/01/2007.

Tổng Công ty - Công ty mẹ đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m² cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT-ĐT ngày 13/12/2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m²) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ - UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

(***) Bao gồm các khoản chi phí liên quan đến quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng của lô đất khu 2 có diện tích 14.333 m² tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916065 do UBND Thành phố Hà Nội cấp. Trong đó: Chi phí đền bù, hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp 5.029.072.745 đồng, chi phí xây dựng san lấp mặt bằng 1.810.364.739 đồng và các chi phí khác 245.272.727 đồng.)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,

phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	224.735.900.602	1.017.441.226.706	189.242.548.825	6.203.660.788	1.374.458.218	1.438.997.795.139						
- Mua trong năm	522.517.273	52.207.826.546	21.714.495.292	538.071.091	-	74.982.910.202						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.772.600.985	4.437.471.143	-	-	-	14.210.072.128						
- Phân loại lại từ tài sản thuê tài chính	-	-	2.646.908.909	-	-	2.646.908.909						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.493.531.925)	(2.261.644.185)	(106.070.000)	-	(14.861.246.110)						
- Giảm khác do phân loại lại	-	(11.754.078.848)	-	-	-	(11.754.078.848)						
Số dư cuối năm	235.031.018.860	1.049.838.913.622	211.342.308.841	6.635.661.879	1.374.458.218	1.504.222.361.420						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	124.365.175.412	702.525.050.484	151.456.647.674	4.987.961.474	1.179.329.551	984.514.164.595						
- Khấu hao trong năm	12.215.759.429	49.824.581.418	20.133.512.975	1.305.228.318	195.128.667	83.674.210.807						
- Phân loại lại từ tài sản thuê tài chính	-	-	909.874.944	-	-	909.874.944						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.080.465.146)	(2.238.994.913)	(106.070.000)	-	(14.425.530.059)						
- Giảm khác do phân loại lại	(73.643.016)	(13.938.158.275)	-	-	-	(14.011.801.291)						
Số dư cuối năm	136.507.291.825	726.331.008.481	170.261.040.680	6.187.119.792	1.374.458.218	1.040.660.918.996						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	100.370.725.190	314.916.176.222	37.785.901.151	1.215.699.314	195.128.667	454.483.630.544						
Tại ngày cuối năm	98.523.727.035	323.507.905.141	41.081.268.161	448.542.087	-	463.561.442.424						

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 445.028.932.084 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	31.313.644.926	169.085.715	530.000.000	32.012.730.641
- Mua trong năm	-	52.700.000	-	52.700.000
- Thanh lý, nhượng bán	(625.335.120)	-	-	(625.335.120)
- Giảm khác	(2.104.640.000)	-	-	(2.104.640.000)
Số dư cuối năm	28.583.669.806	221.785.715	530.000.000	29.335.455.521
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.576.889.956	164.363.493	530.000.000	3.271.253.449
- Khấu hao trong năm	126.296.400	11.128.001	-	137.424.401
- Giảm khác	(1.672.021.556)	-	-	(1.672.021.556)
Số dư cuối năm	1.031.164.800	175.491.494	530.000.000	1.736.656.294
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	28.736.754.970	4.722.222	-	28.741.477.192
Tại ngày cuối năm	27.552.505.006	46.294.221	-	27.598.799.227

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là hai căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán và Tổng Công ty không tiếp tục trích khấu hao đối với tài sản này.

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	20.892.545.362	22.422.794.900
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa (*)	3.870.366.444	7.516.462.503
Tiền thuê đất trả trước	6.942.367.748	7.407.775.828
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	5.005.422.742	6.217.126.470
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.242.401.211	2.593.683.691
	39.953.103.507	46.157.843.392

(*) Bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh của Tổng công ty - Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước. Giá trị lợi thế kinh doanh tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước lần lượt là 3.177.662.392 đồng và 692.704.052 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Licogi 12	4.170.897.901	4.170.897.901	16.627.828.804	16.627.828.804
Công ty Cổ phần Licogi 13	120.649.127.148	120.649.127.148	113.122.226.287	113.122.226.287
Công ty Cổ phần Licogi 16	44.385.573.178	44.385.573.178	42.552.392.338	42.552.392.338
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18	36.893.302.220	36.893.302.220	37.786.849.648	37.786.849.648
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18.1	26.042.801.293	26.042.801.293	26.429.078.179	26.429.078.179
Công ty TNHH Thương mại Kỹ Thuật Việt Hải	61.789.649.318	61.789.649.318	53.001.178.264	53.001.178.264
Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô	543.627.385	543.627.385	22.824.806.722	22.824.806.722
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	11.527.195.395	11.527.195.395	11.224.002.998	11.224.002.998
Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại Thép Việt Dũng	5.549.283.209	5.549.283.209	12.909.075.709	12.909.075.709
Thầu phụ ban điều hành Dung Quất	12.376.483.794	12.376.483.794	12.376.483.794	12.376.483.794
Xí nghiệp khai thác và chế biến đá XNK An Giang	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610
Đội xử lý nền móng (Ông Yên)	1.525.848.182	1.525.848.182	1.525.848.182	1.525.848.182
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	28.729.553.757	28.729.553.757	13.248.831.477	13.248.831.477
Phải trả các đối tượng khác	489.110.333.083	489.110.333.083	484.089.264.162	484.089.264.162
	846.530.627.473	846.530.627.473	850.954.818.174	850.954.818.174
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	12.531.453.061	12.531.453.061	18.646.210.859	18.646.210.859

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Khách hàng dự án Nam Ga Hạ Long	90.903.807.383	50.338.003.000
Khách hàng dự án Khu đô thị Đông Hưng Thái Bình và Dự án Bình Giang	23.186.504.615	21.039.339.654
Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô (*)	30.707.123.540	30.707.123.540
Ban quản lý dự án nhà máy chế biến gỗ MDF Kiên Giang	-	7.896.338.332
Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh	-	18.586.670.374
Công ty Cổ phần Xi Măng Xuân Thành	-	10.726.807.000
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	88.639.320.000	-
Công ty TNHH Khí Công nghiệp Messer Hải Phòng	25.104.902.600	-
Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Licogi 17	31.309.161.124	20.095.284.235
Các đối tượng khác	148.623.989.674	141.092.395.226
	<u><u>438.474.808.936</u></u>	<u><u>300.481.961.361</u></u>

(*) Thông tin liên quan đến nội dung của khoản công nợ này được trình bày ở thuyết minh số 36.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		80.809.071.525		73.598.502.865		85.834.557.084		597.579.931		69.170.597.237	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		2.217.215.375		2.217.215.375		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		13.199.758.475		12.784.763.512		10.052.012.666		-		15.932.509.321	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		1.256.166.724		4.177.407.375		4.128.501.583		12.104.499		1.317.177.015	
Thuế Tài nguyên	-		2.272.415.136		3.017.486.031		993.603.600		-		4.296.297.567	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		2.468.112.874		7.115.501.942		6.798.905.738		-		2.784.709.078	
Thuế bảo vệ môi trường	-		-		252.077.973		124.037.473		-		128.040.500	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	583.034.185		74.681.366.357		7.608.363.282		1.939.760.845		163.558.622		79.930.493.231	
	583.034.185		174.686.891.091		110.771.318.355		112.088.594.364		773.243.052		173.559.823.949	

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	42.744.620.402	27.413.193.874
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	143.335.662.205	104.898.176.961
- Dự án C8 mở rộng (Quảng Ninh) (*)	9.590.901.684	11.029.659.263
- Dự án C5-C8 (Quảng Ninh)	4.199.894.211	4.199.894.211
- Dự án Đồi T5 (Quảng Ninh)	3.239.771.294	4.212.727.653
- Dự án 20 Cộng hòa Hồ Chí Minh	6.823.705.099	11.064.357.198
- Công trình thủy điện Đăktrinh	16.072.791.214	16.072.791.214
- Công trình thủy điện Lai Châu	14.769.871.824	8.463.609.226
- Công trình thủy điện Suối Chăn 2	26.843.712.405	24.095.981.151
- Các khoản chi phí phải trả khác	61.795.014.474	25.759.157.045
	186.080.282.607	132.311.370.835

(*) Trong số 11 tỷ đồng trích trước chi phí cho dự án C8 mở rộng, có 4,2 tỷ đồng trích trước cho hạng mục xây dựng bãi tắm của Dự án này. Giá trị trích trước của bãi tắm được ghi nhận dựa trên dự toán kinh phí được phê duyệt từ năm 2004. Do hạng mục bãi tắm này đã bị đình trệ từ lâu ngày, Tổng công ty chưa xác định được thời điểm thực hiện và chi phí ước tính để xây dựng bãi tắm này.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	4.889.563.922	4.847.998.216
- Bảo hiểm xã hội	36.088.074.067	35.858.534.338
- Bảo hiểm y tế	1.753.688.304	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	958.867.908	-
- Phải trả Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) về cổ phần hoá	9.702.320.164	9.819.098.046
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (1)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Phải trả lãi vay vốn hóa - Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (2)	87.498.564.715	87.464.329.421
- Phải trả nội bộ cho chi phí dự án - Tổng Công ty - Công ty mẹ	-	4.538.072.587
- Phải trả đội thi công theo hợp đồng giao khoán - Licogi 9	11.017.151.093	8.547.036.472
- Phải trả đội thi công theo hợp đồng giao khoán - Licogi 20	24.572.675.913	32.730.307.287
- Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương (3)	165.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	52.850.032.225	62.887.581.280
	<u>454.330.938.311</u>	<u>306.692.957.647</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	70.000.000	50.000.000
- Phải trả ông Nguyễn Đức Miêng	4.989.966.817	4.989.966.817
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.283.874.652	1.383.316.885
	<u>6.343.841.469</u>	<u>6.423.283.702</u>

(1) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty- Công ty mẹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

(2) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và trước khi chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty- Công ty mẹ đã tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay vào dự án KĐTMT Thịnh Liệt với tổng số tiền là 90,6 tỷ đồng trong đó đã thanh toán 3,2 tỷ đồng, phần còn lại được ghi nhận đối ứng với khoản mục phải trả ngắn hạn khác là 87,4 tỷ đồng.

(3) Khoản tiền Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương chuyển cho Tổng công ty - Công ty mẹ để bảo lãnh thực hiện hợp đồng liên quan đến thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo phụ lục hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi và Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		31/12/2017	
	(Đã điều chỉnh)		Trong năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	140.854.637.325	140.854.637.325	223.102.054.557	157.197.089.910
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	128.526.077.475	128.526.077.475	209.195.054.557	144.623.530.060
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	735.000.000	735.000.000	2.205.000.000	980.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh Licogi (3)	7.295.656.000	7.295.656.000	6.336.000.000	7.295.656.000
- Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	3.486.384.000	3.486.384.000	3.667.000.000	3.486.384.000
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	811.519.850	811.519.850	1.699.000.000	811.519.850
	1.365.303.307.642	1.365.303.307.642	2.549.860.223.823	2.511.447.655.930
				1.403.715.875.535
				1.403.715.875.535

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	01/01/2017 (Đã điều chỉnh)		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (1)	410.192.406.608	410.192.406.608	230.741.842.058	207.990.905.532	432.943.343.134	432.943.343.134
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	4.272.188.176	4.272.188.176	6.303.623.260	3.897.296.000	6.678.515.436	6.678.515.436
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh Licogi (3)	17.745.656.000	17.745.656.000	8.621.480.000	13.631.656.000	12.735.480.000	12.735.480.000
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	7.679.640.311	7.679.640.311	13.164.000.000	5.305.200.000	15.538.440.311	15.538.440.311
- Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	13.656.977.288	13.656.977.288	1.045.616.000	3.667.000.000	11.035.593.288	11.035.593.288
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	2.809.369.681	2.809.369.681	7.197.500.000	1.667.800.428	8.339.069.253	8.339.069.253
- Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	1.748.640.540	1.748.640.540	1.242.000.000	2.162.640.540	828.000.000	828.000.000
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (8)	-	-	22.622.750.900	-	22.622.750.900	22.622.750.900
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (9)	-	-	15.007.000.000	-	15.007.000.000	15.007.000.000
	458.104.878.604	458.104.878.604	305.945.812.218	238.322.498.500	525.728.192.322	525.728.192.322
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(140.854.637.325)	(140.854.637.325)	(223.102.054.557)	(157.197.089.910)	(206.759.601.972)	(206.759.601.972)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	317.250.241.279	317.250.241.279			318.968.590.350	318.968.590.350

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng			
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	10.121.718.651	(79.274.695.809)	44.662.141.792	2.396.201.946	29.713.148.712	146.640.850.364	1.054.259.365.656			
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(404.088.369.995)	(23.047.077.277)	(427.135.447.272)			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	15.667.832.175	557.932.192	(21.704.517.225)	(11.110.334.386)	(16.589.087.244)			
Điều chỉnh loại cổ tức chưa loại trừ trong BCTC hợp nhất giai đoạn trước (*)	-	-	-	-	-	(54.520.174.539)	-	(54.520.174.539)			
Giảm khác	-	-	-	(1.354.674.159)	(879.136.567)	2.210.871.290	(64.113.953)	(87.053.389)			
Số dư cuối năm trước	900.000.000.000	10.121.718.651	(79.274.695.809)	58.975.299.808	2.074.997.571	(448.389.041.757)	112.419.324.748	555.927.603.212			
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000	10.121.718.651	(79.274.695.809)	58.975.299.808	2.074.997.571	(448.389.041.757)	112.419.324.748	555.927.603.212			
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(66.389.065.481)	(5.372.647.495)	(71.761.712.976)			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8.772.316.932	8.297.899	(19.672.836.049)	(3.300.488.533)	(14.192.709.751)			
- Công ty Licogi 9	-	-	-	443.413.380	-	(973.323.388)	(509.129.223)	(1.039.039.231)			
- Công ty VLXD Đông Anh	-	-	-	354.759.836	8.297.899	(1.988.195.104)	(1.634.557.660)	(3.259.695.029)			
- Công ty Licogi 10	-	-	-	-	-	(137.608.851)	(100.828.380)	(238.437.231)			
- Công ty Cơ khí Đông Anh	-	-	-	7.974.143.716	-	(16.573.708.706)	(1.055.973.270)	(9.655.538.260)			
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.305.852.500)	(15.305.852.500)			
- Công ty Licogi 9	-	-	-	-	-	-	(3.325.095.900)	(3.325.095.900)			
- Công ty Licogi 10	-	-	-	-	-	-	(395.808.000)	(395.808.000)			
- Công ty Cơ khí Đông Anh	-	-	-	-	-	-	(5.085.450.000)	(5.085.450.000)			
- Công ty VLXD Đông Anh	-	-	-	-	-	-	(6.299.458.600)	(6.299.458.600)			
- Công ty Licogi Quảng Ngãi	-	-	-	-	-	-	(200.040.000)	(200.040.000)			
Điều chỉnh chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa giai đoạn trước (**)	-	-	(19.491.120.000)	-	-	-	-	(19.491.120.000)			
Giảm khác	-	-	-	-	-	752.738.039	726.825.363	1.479.563.402			
Số dư cuối năm nay	900.000.000.000	10.121.718.651	(98.765.815.809)	67.747.616.740	2.083.295.470	(533.698.205.248)	89.167.161.583	436.655.771.387			

(*) Khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty không thực hiện loại trừ một số khoản cổ tức nhận được từ các công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC. Trong năm 2016, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định điều chỉnh sai sót này vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016.

(**) Khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất các kỳ trước, Tổng công ty không thực hiện điều chỉnh chênh lệch đánh giá lại tài sản khoản đánh giá tăng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Licogi 14 khi cổ phần hóa. Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định điều chỉnh sai sót này vào khoản mục "chênh lệch đánh giá lại tài sản" của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017.



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Bộ Xây dựng	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất Động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	22,24%	200.128.880.000	22,24%	200.128.880.000
Các cổ đông khác	2,05%	18.464.210.000	2,05%	18.464.210.000
	100%	900.000.000.000	100%	900.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	900.000.000.000	900.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	900.000.000.000	900.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	900.000.000.000	900.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	67.747.616.740	58.975.299.808
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.083.295.470	2.074.997.571
	69.830.912.210	61.050.297.379

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng	1.193.004.954.838	1.687.649.104.419
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.520.851.549	45.350.071.637
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.294.334.734.926	1.017.036.965.108
Doanh thu hoạt động khác	86.898.710.921	159.864.112.971
	2.606.759.252.234	2.909.900.254.135
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)	8.626.300.001	10.756.268.169

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.854.700	22.916.450
Giảm giá hàng bán	303.029.263	42.603.500
Hàng bán bị trả lại	-	18.830.541.796
	306.883.963	18.896.061.746

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.178.590.133.117	1.491.483.943.484
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.354.563.123	33.826.155.664
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.111.955.375.599	1.007.566.338.266
Chi phí đã phát sinh của dự án KĐTMT Yên Thanh không thể thu hồi (*)	-	19.495.058.270
Giá vốn của hoạt động khác	66.670.951.922	123.298.783.777
	2.378.571.023.761	2.675.670.279.461

(*) Dự án khu đô thị mới Yên Thanh, Uông Bí, Quảng Ninh do Chi nhánh Licogi 2 (nay là Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng số 2) tiến hành có tổng chi phí phát sinh đến ngày 31/12/2017 là 66,4 tỷ đồng và đã bị UBND tỉnh Quảng Ninh thu hồi theo Quyết định 4011/QĐ-UBND ngày 16/12/2015. Theo quyết định này các chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được bồi hoàn cho chủ đầu tư mới với số tiền được xác định là 46,9 tỷ đồng. Phần chênh lệch 19,5 tỷ đồng được ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016.

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.861.927.742	5.102.404.567
Cổ tức, lợi nhuận được chia	92.178.304.442	2.651.422.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	241.219.711	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	165.528.200	328.084.095
	101.446.980.095	8.081.911.162

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	141.986.916.271	147.600.802.431
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	12.401.968.351	4.313.571.406
Chi phí tài chính khác	1.895.458.324	2.470.945.104
	156.284.342.946	154.385.318.941

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.287.906	-
Chi phí nhân công	15.393.140.998	20.769.969.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	621.986.155	799.152.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.298.257.891	10.377.530.612
Chi phí khác bằng tiền	19.999.617.465	18.621.191.519
	<u>50.348.290.415</u>	<u>50.567.843.595</u>

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.996.437.325	17.472.258.685
Chi phí nhân công	100.352.497.453	104.484.260.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.550.448.411	12.104.686.094
Chi phí dự phòng	4.934.684.084	320.602.067.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.269.662.250	10.153.091.693
Chi phí khác bằng tiền	57.618.956.778	60.267.679.544
	<u>193.722.686.301</u>	<u>525.084.044.709</u>

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	6.216.056.764	16.170.280.439
Lãi do đánh giá lại tài sản	629	-
Tiền phạt thu được	53.933.000	-
Thu nhập khác	7.022.545.374	6.420.542.702
	<u>13.292.535.767</u>	<u>22.590.823.141</u>

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	181.271.950	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm thời không sử dụng	12.395.225.992	10.620.101.008
Các khoản bị phạt	9.674.221.596	14.003.151.833
Chi phí khác	8.784.536.040	5.007.486.341
	<u>31.035.255.578</u>	<u>29.630.739.182</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.784.763.512	9.634.213.732
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Tổng công ty - Công ty mẹ	716.354.028	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	948.088.899	4.412.393.402
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	6.431.983.493	3.321.109.681
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Tư vấn Licogi	53.631.598	30.534.348
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	1.394.321.593	1.158.726.507
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	-	311.108.838
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	609.076.819	389.976.525
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Licogi 17	2.317.598	10.364.431
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	2.608.642.000	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	20.347.484	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.784.763.512	9.634.213.732

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(66.389.065.481)	(404.088.369.995)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(66.389.065.481)	(404.088.369.995)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	90.000.000	90.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(738)	(4.490)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	147.359.473.718	-	202.516.339.998	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.504.620.726.572	(345.318.759.169)	1.382.965.119.976	(343.163.804.877)
Các khoản cho vay	35.683.740.010	-	24.663.740.010	-
Đầu tư dài hạn	42.278.671.600	(16.243.675.000)	42.278.671.600	(3.854.985.041)
	<u>1.729.942.611.900</u>	<u>(361.562.434.169)</u>	<u>1.652.423.871.584</u>	<u>(347.018.789.918)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			1.722.684.465.885	1.682.553.548.921
Phải trả người bán, phải trả khác			1.307.205.407.253	1.164.071.059.523
Chi phí phải trả			186.080.282.607	132.311.370.835
			<u>3.215.970.155.745</u>	<u>2.978.935.979.279</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Đầu tư dài hạn	-	26.034.996.600	-	26.034.996.600
	<u>-</u>	<u>26.034.996.600</u>	<u>-</u>	<u>26.034.996.600</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư dài hạn	-	38.423.686.559	-	38.423.686.559
	<u>-</u>	<u>38.423.686.559</u>	<u>-</u>	<u>38.423.686.559</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	147.359.473.718	-	-	147.359.473.718
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.157.970.397.501	1.331.569.902	-	1.159.301.967.403
Các khoản cho vay	35.683.740.010	-	-	35.683.740.010
	<u><u>1.341.013.611.229</u></u>	<u><u>1.331.569.902</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.342.345.181.131</u></u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	202.516.339.998	-	-	202.516.339.998
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.038.670.277.713	1.131.037.386	-	1.039.801.315.099
Các khoản cho vay	24.663.740.010	-	-	24.663.740.010
	<u><u>1.265.850.357.721</u></u>	<u><u>1.131.037.386</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.266.981.395.107</u></u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	1.403.715.875.535	318.968.590.350	-	1.722.684.465.885
Phải trả người bán, phải trả khác	1.300.861.565.784	6.343.841.469	-	1.307.205.407.253
Chi phí phải trả	186.080.282.607	-	-	186.080.282.607
	<u>2.890.657.723.926</u>	<u>325.312.431.819</u>	<u>-</u>	<u>3.215.970.155.745</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	1.365.303.307.642	317.250.241.279	-	1.682.553.548.921
Phải trả người bán, phải trả khác	1.157.647.775.821	6.423.283.702	-	1.164.071.059.523
Chi phí phải trả	132.311.370.835	-	-	132.311.370.835
	<u>2.655.262.454.298</u>	<u>323.673.524.981</u>	<u>-</u>	<u>2.978.935.979.279</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Trong năm 2013, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty - Công ty mẹ liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện dự án đề chắn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi.

Theo bản án sơ thẩm số 06/2013/KDTM-ST ngày 06/08/2013 của Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, Tổng Công ty - Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô số tiền 19.036.257.000 đồng. Tuy nhiên, theo bản án phúc thẩm số 10/2014/KDTM-PT ngày 23/01/2014 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, bản án sơ thẩm bị hủy, tòa trả lại đơn kiện cho Công ty Lũng Lô và đình chỉ vụ án.

Theo quyết định giám đốc thẩm số 02/2016.KDTM-GDT ngày 22/01/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án Nhân dân cấp cao Hà Nội, bản án phúc thẩm bị hủy bỏ và hồ sơ vụ kiện được chuyển về Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân để giải quyết tiếp. Theo bản án số 15/2017/KDTM-ST ngày 14/09/2017 của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân- Thành phố Hà Nội, Tổng Công ty - Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô 19.206.866.091 đồng. Tuy nhiên, ngày 25/09/2017 Tổng Công ty- Công ty mẹ đã làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội kháng cáo toàn bộ Bản án nêu trên và đang chờ các bên liên quan giải quyết.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thì Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ mọi trách nhiệm quy định trong hợp đồng ký kết với Công ty Lũng Lô và sẽ không phải trả lại số tiền trên do Tổng Công ty đã phát sinh thêm những chi phí khi thực hiện hợp đồng mà các chi phí này sẽ phải do Công ty Lũng Lô chịu.

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 30.707.123.540 đồng. Tổng Công ty - Công ty mẹ sẽ xử lý các khoản phải trả này khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

37 . NHỮNG SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động kinh doanh Vật liệu xây dựng		Hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.294.027.850.963	1.193.004.954.838	119.419.562.470		2.606.452.368.271		2.606.452.368.271	
Chi phí bộ phận trực tiếp	1.111.955.375.599	1.178.590.133.117	88.025.515.045		2.378.571.023.761		2.378.571.023.761	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	182.072.475.364	14.414.821.721	31.394.047.425		227.881.344.510		227.881.344.510	
Tổng chi phí mua TSCĐ	73.023.671.962	16.169.310.368	-		89.192.982.330		89.192.982.330	
Tài sản bộ phận	1.779.654.712.883	1.640.719.624.999	164.235.713.322		3.584.610.051.204		3.584.610.051.204	
Tài sản không phân bổ	-	-	-		792.080.010.068		792.080.010.068	
Tổng tài sản	1.779.654.712.883	1.640.719.624.999	164.235.713.322		4.376.690.061.272		4.376.690.061.272	
Nợ phải trả bộ phận	1.953.592.407.631	1.801.078.253.689	180.287.580.666		3.934.958.241.986		3.934.958.241.986	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-		2.784.709.078		2.784.709.078	
Tổng nợ phải trả	1.953.592.407.631	1.801.078.253.689	180.287.580.666		3.937.742.951.064		3.937.742.951.064	

Theo khu vực địa lý

Tổng Công ty chi tiến hành hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam nên Tổng công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

56
TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty có các giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu		8.626.300.001	10.756.268.169
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	196.363.637	8.772.983.169
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	-	1.983.285.000
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	8.429.936.364	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	81.909.171.423	-
Thu lãi vay		1.579.731.000	1.996.521.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	1.579.731.000	1.996.521.000
Cổ tức được nhận		93.926.365.807	3.199.183.138
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết	3.745.251.865	3.199.183.138
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Công ty liên doanh	90.181.113.942	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		5.786.456.118	68.253.829.664
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	-	66.805.800
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	-	164.166.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết	-	1.161.809.800
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	5.562.456.118	66.861.048.064
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	224.000.000	-
Ứng trước cho nhà cung cấp		3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	3.695.789.577	3.695.789.577
Phải thu từ cho vay ngắn hạn		-	24.663.740.010
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	-	20.663.740.010
Phải thu khác		4.454.407.118	9.822.746.411
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	3.740.993.956	7.962.011.748
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	713.413.162	1.144.694.663
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	-	716.040.000
Phải trả người bán		12.531.453.061	18.646.210.859
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	1.632.899.716	994.909.627
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết	-	1.023.472.428
Công ty Cổ phần Licogi 12	(*)	10.898.553.345	16.627.828.804

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Người mua trả tiền trước	-	5.720.386.736
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	- 2.860.193.368
Phải trả khác	1.632.899.716	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết	1.632.899.716 -
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	- 60.000.000.000
Các khoản đi vay	60.018.688.206	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	18.688.206 -
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	60.000.000.000 6.000.000.000

(* Ông Dương Xuân Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 12.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.446.644.951	5.893.309.756
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập của Tổng Giám đốc Tổng Công ty</i>	<i>364.500.000</i>	<i>393.700.000</i>

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam (PWC) kiểm toán.



Lê Thị Thanh Nội
Người lập



Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2018

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTRP

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2017 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (3)	1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	69.233.849.742	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp quyền phải thu.
	2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	25.678.466.881	Bổ sung vốn lưu động	Quyền sử dụng đất
	3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Long Biên	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	52.644.809.943	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp quyền phải thu và hàng hóa luân chuyển của Tổng Công ty
	4	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	72.847.469.102	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp quyền phải thu.
	5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (VIB)	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	29.292.571.256	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp quyền phải thu.
Tổng cộng				249.697.166.924		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	33.231.974.286	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là các hợp đồng thế chấp tài sản
	2	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 006.17/48.05-HMTD ngày 23/01/2017 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	49.224.874.011	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là các hợp đồng thế chấp tài sản
Tổng cộng				82.456.848.297		



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2017 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quảng Ngãi	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	21.796.404.988	Bổ sung vốn lưu động	Quyền sử dụng đất và Phương tiện vận tải
	2	Vay huy động vốn cá nhân	7,5%/năm	130.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo
	Tổng cộng			21.926.404.988		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (6)	1	Ngân hàng TMCP - BIDV Chi nhánh Đà Nẵng	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	33.835.028.781	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là các hợp đồng thế chấp tài sản
	2	Ngân hàng NN-PTNN Chi nhánh Hà Nội	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	4.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là các hợp đồng thế chấp tài sản
	3	Vay huy động vốn cá nhân	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	6.722.693.668	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo
	Tổng cộng			44.557.722.449		

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2017 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	21.965.428.039	Bổ sung vốn lưu động	Các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Tổng Công ty và tài sản khác thuộc bên thứ ba
	2	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Quảng Ninh	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	3.500.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp quyền phải thu.
	3	Vay huy động vốn cá nhân	0%/năm	15.105.992.133	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp quyền phải thu.
Tổng cộng				40.571.420.172		
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (8)	1	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	10%/năm	6.000.000.000	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	Không có tài sản đảm bảo
	2	Vay huy động vốn cá nhân	12%/năm	2.014.147.000	Thực hiện các hoạt động để triển khai dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	Không có tài sản đảm bảo
Tổng cộng				8.014.147.000		
Công ty Cổ phần Licogi 15 (9)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	20.702.759.000	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp tài sản.
	2	Vay huy động vốn cá nhân	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	15.082.825.331	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo
Tổng cộng				35.785.584.331		

TỔNG CÔNG TY LICOGI - C.T.C.P

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2017 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (10)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	9%/năm	29.963.021.808	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp quyền đòi nợ và tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty.
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	37.183.782.556	Bổ sung vốn lưu động	Các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty theo từng hợp đồng thế chấp cụ thể với ngân hàng
Tổng cộng				67.146.804.364		
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (11)	1	Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	3.687.121.414	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp tài sản.
	2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Áp dụng cho từng lần nhận nợ	9.195.956.630	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo
	3	Vay huy động vốn cá nhân	9,5%/năm	1.553.990.097	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo
Tổng cộng				14.437.068.141		

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF

Báo cáo tài chính hợp nhất

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Phụ lục 02: Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2017 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Tổng Công ty Licogi-CTCF (Công ty mẹ) (1)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Thả nổi	49.200.224.816	Mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án
	2	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Thả nổi	383.743.118.318	Phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh hình thành và hình thành trong Liệt và mua sắm tương lai. tài sản	Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đã hình thành và hình thành trong tương lai.
	Tổng cộng			432.943.343.134		
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (2)	1	Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Huyện Lương Sơn	Thả nổi	560.745.277	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
	2	Ngân hàng TMCP Quân đội	Thả nổi	219.100.000	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
	3	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Thả nổi	212.414.499	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
	4	Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	Thả nổi	5.686.255.660	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
	Tổng cộng			6.678.515.436		



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTPC

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2017 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh	1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	Thả nổi	10.450.000.000	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
	2	Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh	Thả nổi	2.285.480.000	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
Licogi (3)	Tổng cộng			12.735.480.000		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (4)	1	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Biên Hòa	Thả nổi	3.018.648.282	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
	2	Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Thả nổi	10.430.000.000	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
	3	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	Thả nổi	2.014.800.000	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	4	Vay huy động vốn cá nhân	Thả nổi	74.992.029	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng thế chấp tài sản.
	Tổng cộng			15.538.440.311		
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (5)	1	Ngân hàng ĐT & PT VN - CN Quảng Ngãi	Thả nổi	11.035.593.288	Đầu tư tài sản dài hạn và dự án mở đá Cà Ty	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay và hợp đồng thế chấp quyền khai thác khoáng sản
	Tổng cộng			11.035.593.288		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	1	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Đà Nẵng	Thả nổi	8.339.069.253	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
	Tổng cộng			8.339.069.253		

CHỖ CHỮ KÝ
CHỖ CHỮ ĐÓNG
CHỖ CHỮ ĐÓNG

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Tên doanh nghiệp	STT	Tên Tổ chức cho vay	Lãi suất năm	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2017 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Licogi 17 (7)	1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương	Thả nổi	828.000.000	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
Tổng cộng				828.000.000		
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (8)	1	Vay huy động vốn cá nhân	Thả nổi	22.622.750.900	Huy động vốn triển khai dự án Lô CT7- Khu ĐTM Thịnh Liệt	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
Tổng cộng				22.622.750.900		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (9)	1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn CN Tây Hà Nội	9,5%/năm	13.500.000.000	Đầu tư tài sản dài hạn	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
	2	Vay huy động vốn cá nhân	Thả nổi	1.507.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo
Tổng cộng				15.007.000.000		
Tổng cộng				525.728.192.322		

